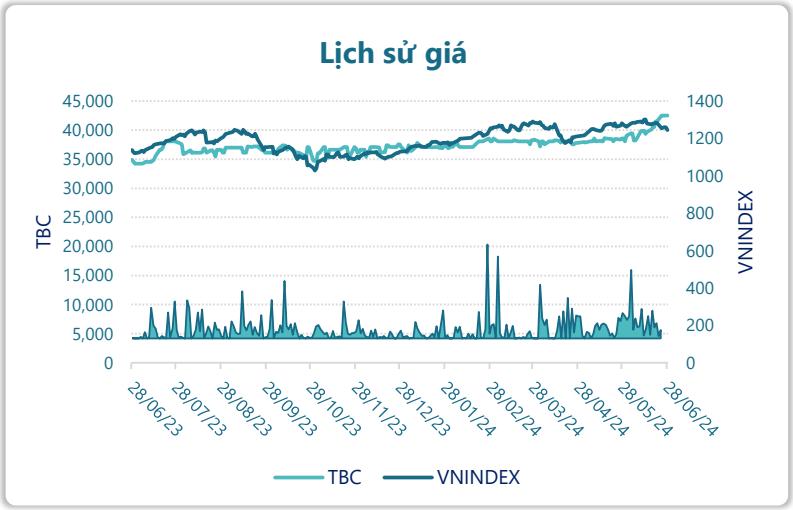
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**42,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,232
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,170
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,699
P/E	29.4
EPS	1,444

DT thuần

Q2/24

98.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.2| -11.0%

YoY: ▲ 16.0| 19.3%

LN sau thuế

Q2/24

30.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.1| -39.9%

YoY: ▲ 2.10| 7.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

34.2%

+/- YoY: ▼ 6.1%

DT thuần

6T 2024

210

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -12.5%

LN sau thuế

6T 2024

80.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼26.5| -25.0%

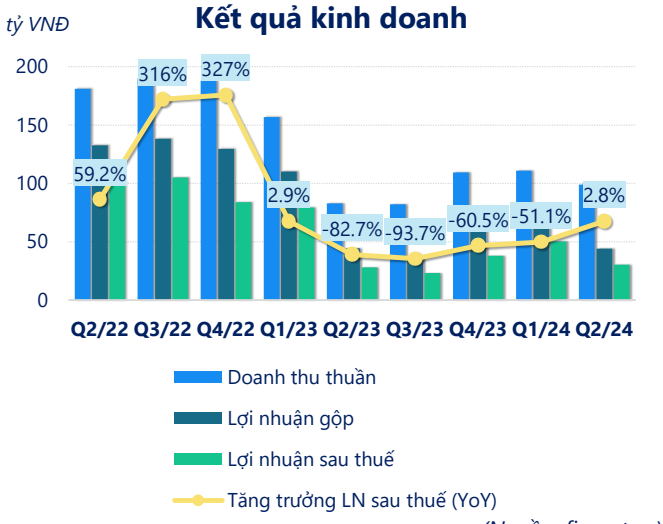
ROE

Q2/24

6.8%

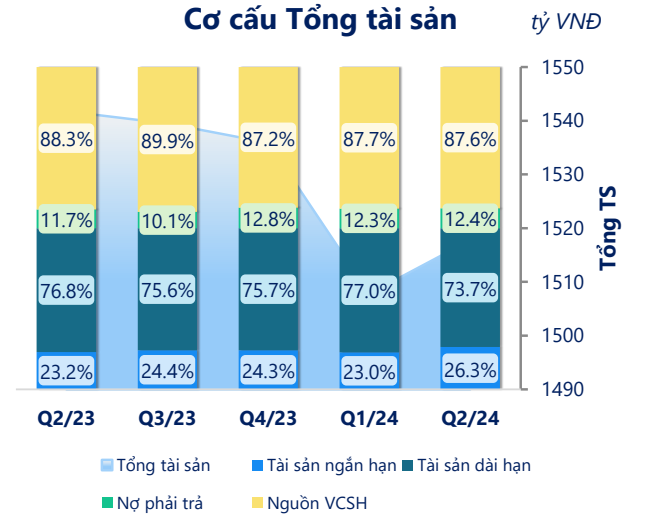
+/- YoY: ▼ 12.6%

Kết quả kinh doanh



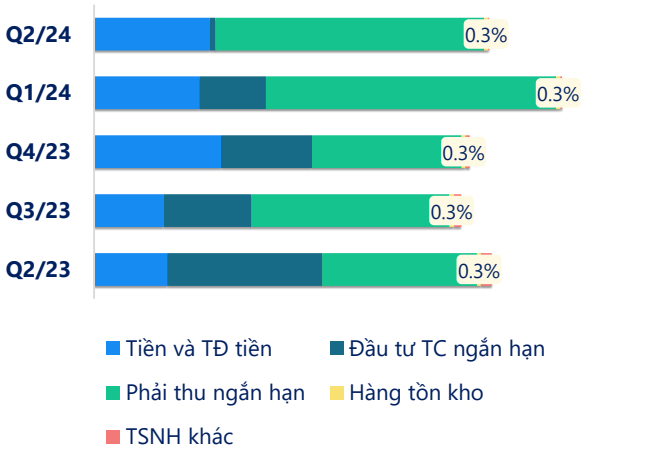
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



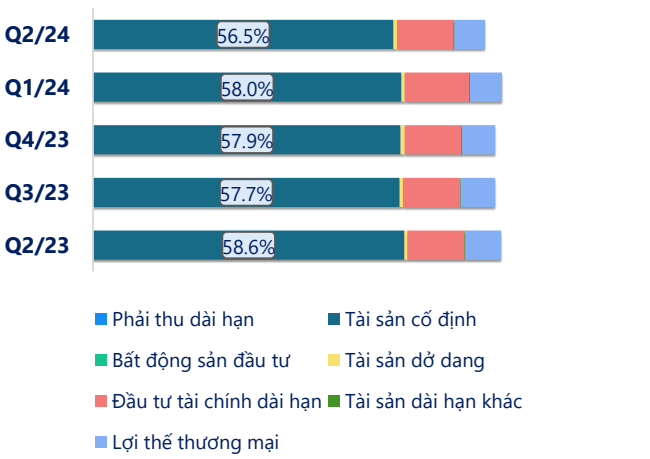
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



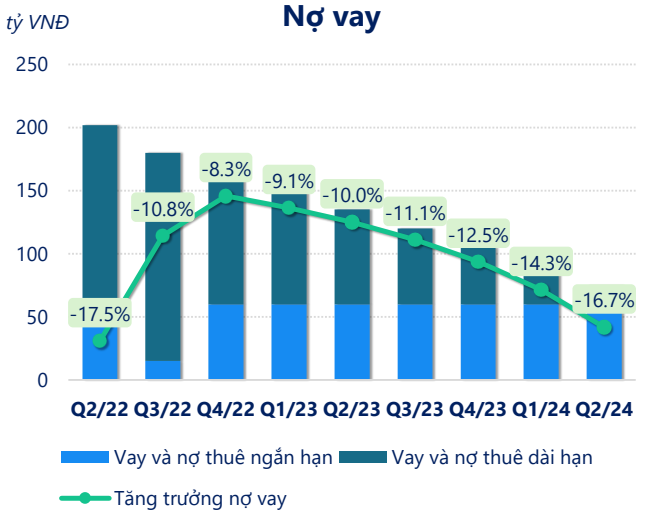
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



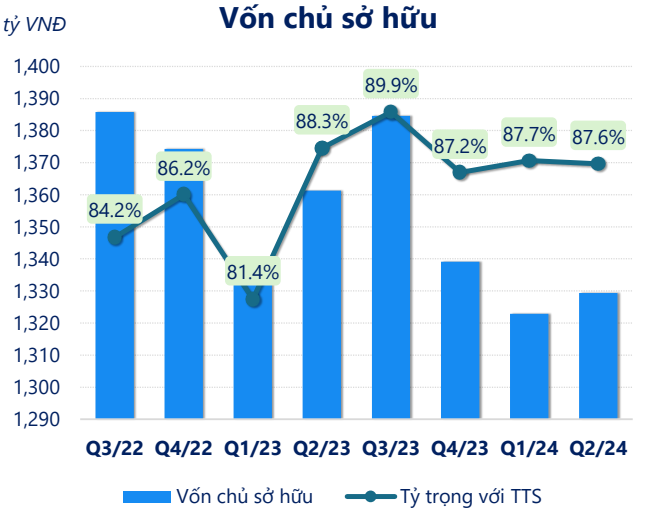
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



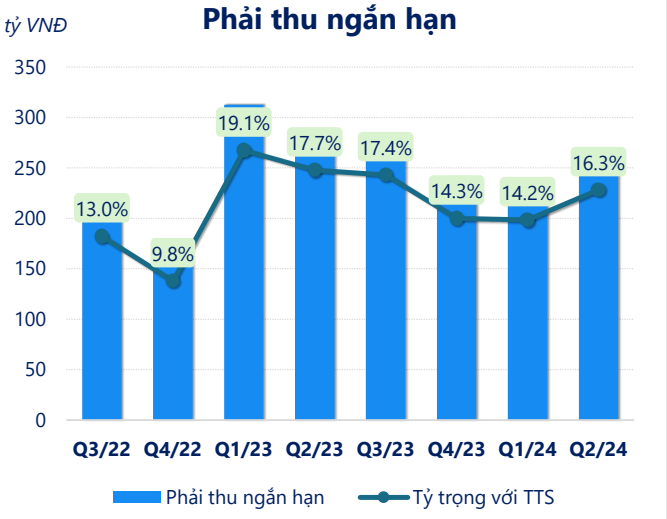
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



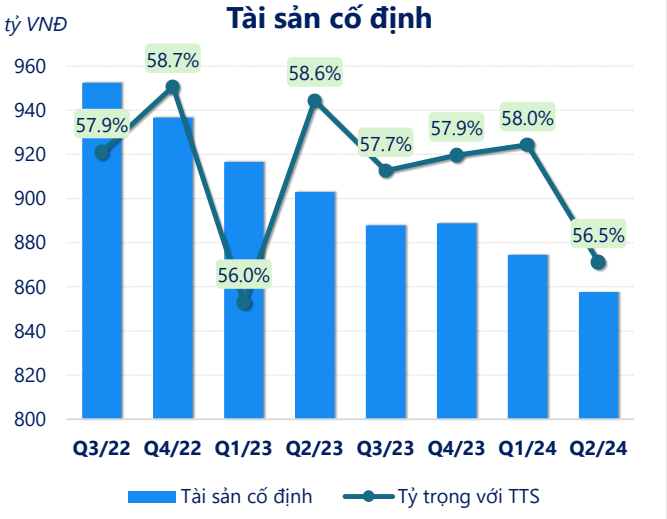
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



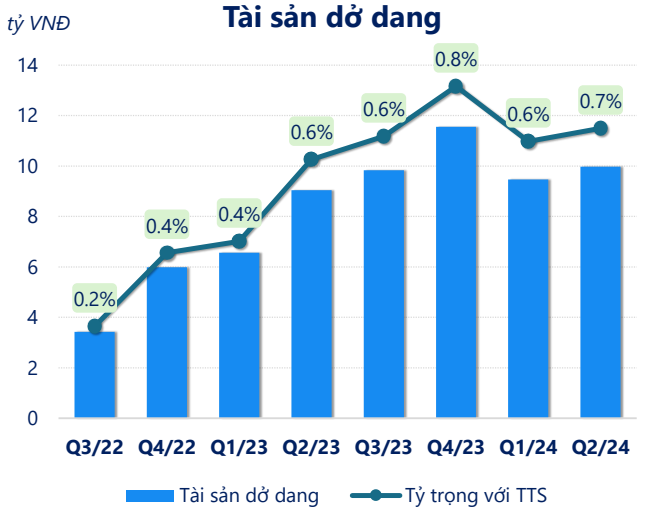
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



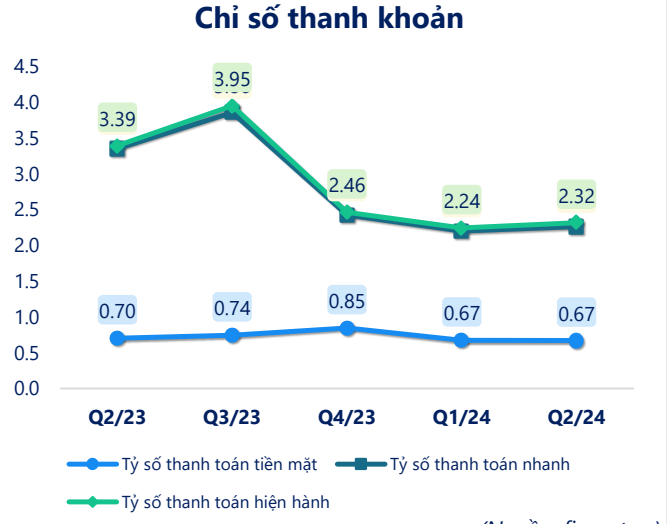
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



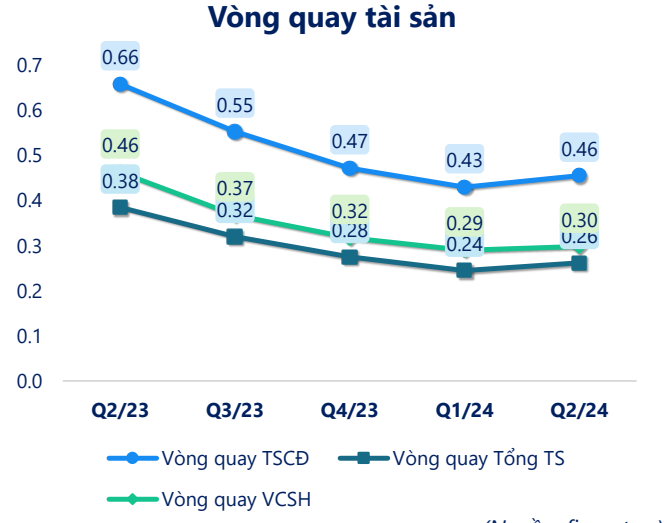
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,542**	**1,540**	**1,536**	**1,508**	**1,518**
Tài sản ngắn hạn	**358**	**375**	**374**	**348**	**399**
Tiền và tương đương tiền	74.2	70.7	128	104	115
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.80	27.0	10.0	22.0	25.7
Phải thu ngắn hạn	273	267	219	214	247
Hàng tồn kho	4.28	8.84	5.53	6.74	9.79
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	1.27	10.4	0.83	0.61
Tài sản dài hạn	**1,184**	**1,165**	**1,162**	**1,160**	**1,119**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	903	888	889	874	858
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.04	9.84	11.6	9.46	9.97
Đầu tư tài chính dài hạn	165	165	163	182	162
Tài sản dài hạn khác	2.85	2.27	2.88	2.47	2.38
Lợi thế thương mại	104	99.7	95.6	91.5	87.4
Nợ phải trả	**180**	**155**	**197**	**185**	**188**
Nợ ngắn hạn	**105**	**94.9**	**152**	**155**	**172**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	60.0	60.0	60.0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.69	2.12	4.29	1.86	7.62
Nợ dài hạn	75.0	60.0	45.0	30.0	16.3
Vay và nợ thuê dài hạn	75.0	60.0	45.0	30.0	15.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,361**	**1,385**	**1,339**	**1,323**	**1,329**
Vốn chủ sở hữu	**1,361**	**1,385**	**1,339**	**1,323**	**1,329**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)